

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ
MỸ CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2024/CBTT-MCP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

- Mã chứng khoán: MCP
- Địa chỉ: số 18, đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 3961 2844 – 3961 2734 Fax: 3961 2737
- E-mail: info@mychau.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu công bố thông tin Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu tại đường dẫn www.mychau.com.vn ngày 30/03/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

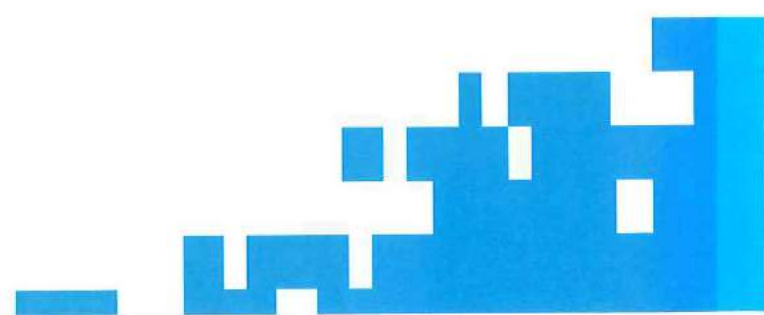


Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Nam Thái	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023) và miễn nhiệm ngày 29 tháng 08 năm 2023)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)
Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

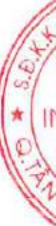
CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 397/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TUO TONG GIAM ĐOC



Lý Trung Thành
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1
(Theo Giấy ủy quyền số 17/2023-24/UQ-RSM
ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Nguyễn Thị Xuân Kiều
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
5547-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.818.943.441	222.154.848.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.160.504.865	5.267.205.138
1. Tiền	111	4.1	11.160.504.865	5.267.205.138
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	25.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.607.219.174	93.507.506.959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	85.874.087.881	92.101.223.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.203.732.638	1.448.621.979
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		505.403.497	128.600.327
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.203.256.325)	(170.973.461)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		227.251.483	34.234
IV. Hàng tồn kho	140		109.825.325.972	120.300.343.167
1. Hàng tồn kho	141	4.6	109.825.325.972	120.300.343.167
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.225.893.430	3.079.793.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	1.316.869.241	2.657.430.403
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	909.024.189	422.363.036
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.265.740.316	89.256.580.784
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.250.000	5.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.250.000	5.250.000
II. Tài sản cố định	220	4.8	24.732.426.977	34.627.488.746
1. Tài sản cố định hữu hình	221		24.732.426.977	34.627.488.746
Nguyên giá	222		360.065.968.061	359.293.963.561
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(335.333.541.084)	(324.666.474.815)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.223.700.531	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.223.700.531	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	48.983.600.000	48.798.248.800
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.983.600.000	48.983.600.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(185.351.200)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.320.762.808	5.825.593.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	6.320.762.808	5.825.593.238
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		319.084.683.757	311.411.429.487

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.741.259.736	79.382.038.548
I. Nợ ngắn hạn	310		70.741.259.736	79.382.038.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	16.744.513.230	27.319.568.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		82.846.356	22.407.161
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	5.609.264.390	2.825.051.473
4. Phải trả người lao động	314	4.11	7.803.493.974	5.273.882.696
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	1.346.811.560	1.013.204.428
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	10.064.671.456	11.301.054.949
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	28.159.074.914	29.855.666.692
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	930.583.856	1.771.203.071
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		248.343.424.021	232.029.390.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	248.343.424.021	232.029.390.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.713.370.000	150.713.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.557.011.449	15.557.011.449
3. Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.948.203.442	54.796.833.014
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.441.963.130	11.279.300.476
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.441.963.130	11.279.300.476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		319.084.683.757	311.411.429.487



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	494.021.420.795	515.772.530.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.187.875.520	1.173.040.320
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		492.833.545.275	514.599.490.418
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	432.645.017.228	462.348.343.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.188.528.047	52.251.147.349
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	864.655.600	1.668.146.659
7. Chi phí tài chính	22	5.5	2.736.158.880	6.618.657.037
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.598.005.882	3.894.714.709
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	15.480.648.691	16.578.075.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	19.997.912.550	16.810.163.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.838.463.526	13.912.397.527
11. Thu nhập khác	31		347.624.634	111.602.524
12. Chi phí khác	32		922.149.682	91.620.482
13. Lợi nhuận khác	40		(574.525.048)	19.982.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.263.938.478	13.932.379.569
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	4.821.975.348	2.653.079.093
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.441.963.130	11.279.300.476
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	1.159	674
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	1.159	674



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.263.938.478	13.932.379.569
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	10.667.066.269	11.145.049.582
Các khoản dự phòng	03		846.931.664	356.324.661
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.525.200)	(138.094.422)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(500.716.078)	(1.232.103.863)
Chi phí lãi vay	06	5.5	1.598.005.882	3.894.714.709
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		34.873.701.015	27.958.270.236
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		2.818.517.665	6.616.061.994
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		10.475.017.195	(9.847.078.293)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.371.895.987)	4.061.517.767
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		845.391.592	(2.331.612.019)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.385.044.056)	(3.978.787.285)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(4.766.609.006)	(2.654.245.310)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	4.15	(1.968.549.263)	(2.310.164.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.520.529.155	17.513.963.090
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.995.705.031)	(10.170.446.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.200.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.542.181	1.379.738.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.932.162.850)	(1.580.707.887)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	54.727.813.268	174.941.393.280
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(56.424.405.046)	(209.314.539.391)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(818.685.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.696.591.778)	(35.191.831.805)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		5.891.774.527	(19.258.576.602)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.267.205.138	24.525.781.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.525.200	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	11.160.504.865	5.267.205.138




Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng



Dương Trương Thi Hồng Trinh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Nhà máy Thực phẩm Xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.713.370.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 272 (31/12/2022 là: 285).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng thương mại nơi Công ty đang giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	03 – 05 năm

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, tiền bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ được phân bổ theo thời gian được bảo hiểm nêu trong hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá ban đầu và được phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí công cụ, dụng cụ sử dụng cho bộ phận bán hàng, chi phí hoa hồng bán hàng, phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Dịch vụ gia công in tráng được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.23. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.160.504.865	5.267.205.138

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,95% đến 6,9%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, thông tin của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

STT	Tên công ty nhận đầu tư	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	TP. Hà Nội	1,40%	1,40%	Xuất nhập khẩu, thương mại
2.	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Bắc Ninh	2,49%	2,49%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
3.	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	TP. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cày, kho bãi

Tại ngày lập báo cáo, giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	34.425.000.000	(*)	-	34.425.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	12.586.600.000	(*)	-	12.586.600.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (**)	1.972.000.000	2.496.641.700	-	1.972.000.000	1.786.648.800	(185.351.200)
Cộng	48.983.600.000		-	48.983.600.000		(185.351.200)

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ và Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày lập báo cáo, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Càng Rau Quả trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Edison Foods	11.497.756.688	886.223.560
Công ty Cổ Phần Đồ hộp Blue Sea	8.564.852.108	-
CN Công ty Cổ Phần TM Kiên Giang - Nhà Máy Thực Phẩm Đóng Hộp KTC	6.617.179.769	12.800.181.614
Các khách hàng khác (*)	59.194.299.316	78.414.818.706
Cộng	85.874.087.881	92.101.223.880

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Melchers Techexport Gmbh	1.397.716.600	-
Công ty CMM Package	669.165.976	655.041.922
Các nhà cung cấp khác (*)	2.136.850.062	793.580.057
Cộng	4.203.732.638	1.448.621.979

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.062.566.184	1.859.309.859	244.247.802	73.274.341

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số đầu năm	(170.973.461)	-
Trích lập trong năm	(1.032.282.864)	(356.324.661)
Hoàn nhập trong năm	-	185.351.200
Số cuối năm	(1.203.256.325)	(170.973.461)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Đồ Hộp Blue Sea	1.230.603.440	861.422.408	Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	-
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Gia Đình An Co	419.392.050	209.696.025	Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đồ Hộp Blue Sea	394.634.240	276.243.968	Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	-
Các khách hàng khác	1.017.936.454	511.947.458	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	244.247.802	73.274.341	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	3.062.566.184	1.859.309.859		244.247.802	73.274.341	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	4.603.300.441	-
Nguyên liệu, vật liệu	84.900.198.209	-	92.370.644.401	-
Công cụ, dụng cụ	2.276.475.095	-	2.057.616.472	-
Thành phẩm	22.648.652.668	-	21.268.781.853	-
Cộng	109.825.325.972	-	120.300.343.167	-

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	408.828.923	1.265.123.746
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	481.214.128	641.618.837
Các khoản khác	426.826.190	750.687.820
Cộng	1.316.869.241	2.657.430.403
	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.118.175.125	5.555.025.391
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	31.083.338	118.937.502
Các khoản khác	171.504.345	151.630.345
Cộng	6.320.762.808	5.825.593.238

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	10.667.980.186	340.381.512.887	7.153.825.700	823.213.045	267.431.743	359.293.963.561
Mua trong năm	-	732.004.500	-	40.000.000	-	772.004.500
Phân loại lại tài sản	-	(281.316.000)	281.316.000	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	10.667.980.186	340.832.201.387	7.435.141.700	863.213.045	267.431.743	360.065.968.061
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	9.940.870.098	308.665.633.657	5.043.181.080	749.358.237	267.431.743	324.666.474.815
Khấu hao trong năm	107.686.356	10.102.412.085	399.236.334	57.731.494	-	10.667.066.269
Phân loại lại tài sản	-	(226.756.247)	208.251.983	18.504.264	-	-
Tại ngày 31/12/2023	10.048.556.454	318.541.289.495	5.650.669.397	825.593.995	267.431.743	335.333.541.084
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	727.110.088	31.715.879.230	2.110.644.620	73.854.808	-	34.627.488.746
Tại ngày 31/12/2023	619.423.732	22.290.911.892	1.784.472.303	37.619.050	-	24.732.426.977

Các TSCĐ được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay đã hết khấu hao với tổng nguyên giá là 171.378.900.742 VND – Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 258.742.527.052 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Henkel Singapore Pte. Ltd	3.837.544.920	3.837.544.920	5.963.797.257	5.963.797.257
Công ty TNHH Edson International	1.462.918.600	1.462.918.600	2.011.273.953	2.011.273.953
Austin Multi - Trade	1.365.334.294	1.365.334.294	2.543.593.731	2.543.593.731
Phải trả cho nhà cung cấp khác (*)	10.078.715.416	10.078.715.416	16.800.903.137	16.800.903.137
Cộng	16.744.513.230	16.744.513.230	27.319.568.078	27.319.568.078

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải trả cho các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	836.645.531	-	37.548.525.139	39.537.391.572	-	1.152.220.902
Thuế xuất, nhập khẩu	72.378.658	-	2.878.760.651	2.528.776.273	422.363.036	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.529.429.995	4.821.975.348	4.766.609.006	-	1.474.063.653
Thuế thu nhập cá nhân	-	154.711.375	1.037.080.958	1.081.136.501	-	198.766.918
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.925.123.020	10.298.912.177	6.373.789.157	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	909.024.189	5.609.264.390	56.588.254.273	54.290.702.509	422.363.036	2.825.051.473

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người lao động**

Số dư phải trả người lao động tại ngày 31/12/2023 bao gồm lương tháng 12 năm 2023 và tháng 13 năm 2023 còn phải trả cho người lao động.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	993.209.671	935.064.365
Trích trước chi phí lãi vay	291.101.889	78.140.063
Các khoản trích trước khác	62.500.000	-
Cộng	1.346.811.560	1.013.204.428

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.495.894.180	10.293.042.842
Kinh phí công đoàn	728.118.265	555.280.328
Bảo hiểm phải nộp	197.298	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	840.461.713	452.731.779
Cộng	10.064.671.456	11.301.054.949

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	28.159.074.914	28.159.074.914	54.727.813.268	56.424.405.046	29.855.666.692	29.855.666.692

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

Hạn mức vay:	150.000.000.000 đồng;
Thời hạn vay:	12 tháng;
Lãi suất:	4,2% - 9%/năm;
Mục đích vay:	bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C;
Tài sản đảm bảo:	đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty theo các hợp đồng tài sản đảm bảo – Xem thêm Mục 4.8.

4.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2023	1.771.203.071
Trích trong năm	1.127.930.048
Chi trong năm	(1.968.549.263)
Tại ngày 31/12/2023	930.583.856

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	37.135.000.000	-
Ông Trần Quang Huy	37.044.460.000	37.044.460.000
Ông Phan Đỗ Hạnh	21.080.000.000	21.080.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	18.000.000.000	60.000
Các cổ đông khác	37.266.690.000	92.401.630.000
Cổ phiếu quỹ	187.220.000	187.220.000
Cộng	150.713.370.000	150.713.370.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.052.615	15.052.615

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.441.963.130	11.279.300.476
Trích quỹ khen thưởng	-	(1.127.930.048)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.159	674

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	54.796.833.014
Trích trong năm	10.151.370.428
Tại ngày 31/12/2023	64.948.203.442

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	9.239,19	1.148,12
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<u>Nợ khó đòi đã xử lý:</u>		
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	223.874.352	223.874.352
Công ty TNHH Bao Bì Sammiguel Yamamura	330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác	82.355.452	82.355.452

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm	421.053.850.181	435.019.538.977
Doanh thu bán hàng hóa	41.657.003.125	42.268.274.669
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.310.567.489	38.484.717.092
Cộng	494.021.420.795	515.772.530.738

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hàng bán bị trả lại	1.187.875.520	1.173.040.320

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	366.177.193.195	387.600.088.585
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.061.066.821	40.770.689.726
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.406.757.212	33.977.564.758
Cộng	432.645.017.228	462.348.343.069

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	454.049.878	628.183.774
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.666.200	666.984.106
Lãi chênh lệch tỷ giá	363.939.522	372.978.779
Cộng	864.655.600	1.668.146.659

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	1.598.005.882	3.894.714.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.323.504.198	2.538.591.128
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(185.351.200)	185.351.200
Cộng	2.736.158.880	6.618.657.037

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	3.457.145.226	4.071.708.994
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.294.410.857	4.588.469.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	221.574.498	253.469.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.104.919.179	2.862.718.257
Chi phí khác bằng tiền	4.402.598.931	4.801.710.083
Cộng	15.480.648.691	16.578.075.939

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	11.214.609.506	9.677.880.774
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	602.984.914	431.554.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.753.653	256.804.508
Thuế, phí, lệ phí	2.137.664.089	1.352.631.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.589.376.914	3.530.846.434
Chi phí khác bằng tiền	1.055.240.610	1.389.471.829
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.032.282.864	170.973.461
Cộng	19.997.912.550	16.810.163.505

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	367.349.415.828	401.405.764.350
Chi phí nhân công	58.289.680.308	55.993.334.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.667.066.269	11.145.049.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.561.830.552	24.048.382.233
Chi phí khác bằng tiền	7.552.571.817	7.559.361.102
Chi phí dự phòng	1.032.282.864	170.973.461
Cộng	469.503.449.279	500.322.865.351

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.263.938.478	13.932.379.569
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.203.112.897	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(48.191.400)	(666.984.106)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	23.418.859.975	13.265.395.463
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	4.683.771.995	2.653.079.093
Cộng: Thuế TNDN phải nộp theo kết quả thanh tra thuế	138.203.353	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.821.975.348	2.653.079.093

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

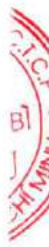
6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	54.727.813.268	174.941.393.280

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	56.424.405.046	209.314.539.391

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất;
- Thương mại;
- Dịch vụ;

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	<u>Sản xuất</u>		<u>Thương mại</u>		<u>Dịch vụ</u>		<u>Đơn vị tính: Triệu đồng</u> <u>Tổng cộng</u>	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần								
Từ khách hàng bên ngoài	419.866	433.846	41.657	42.268	31.311	38.485	492.834	514.599
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Kết quả của bộ phận	53.689	46.246	4.596	1.498	1.904	4.507	60.189	52.251
Chi phí không phân bổ							(35.479)	(33.388)
Thu nhập tài chính							865	1.668
Chi phí tài chính							(2.736)	(6.619)
Thu nhập khác							348	112
Chi phí khác							(922)	(92)
Lợi nhuận trước thuế							22.263	13.932
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(4.822)	(2.653)
Lợi nhuận sau thuế							17.441	11.279

Công ty không có báo cáo bộ phận về tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh vì tài sản và nợ phải trả của Công ty dùng chung cho hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và các hoạt động khác.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Nhân sự quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT	40.000.000	120.000.000
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	13.333.333	-
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên HĐQT	80.000.000	80.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	26.666.667	80.000.000
Ông Nguyễn Nam Thái	Thành viên HĐQT	33.333.333	-
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000.000	-
Ông Vũ Đình Thái	Trưởng Ban Kiểm soát	40.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000	40.000.000
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát	40.000.000	30.000.000
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc	643.858.939	600.000.000
Cộng		1.047.192.272	1.010.000.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.160.504.865	5.267.205.138
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.152.689.144	92.235.074.207
Đầu tư tài chính	25.000.000.000	-
Cộng	121.313.194.009	97.502.279.345
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	28.159.074.914	29.855.666.692
Phải trả người bán và phải trả khác	26.809.184.686	38.620.623.027
Chi phí phải trả	1.346.811.560	1.013.204.428
Cộng	56.315.071.160	69.489.494.147

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền và tương đương tiền	11.160.504.865	5.267.205.138
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.152.689.144	92.235.074.207
Đầu tư tài chính	25.000.000.000	-
Cộng	121.313.194.009	97.502.279.345

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay VND	Phải trả người bán và phải trả khác VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	28.159.074.914	26.809.184.686	1.346.811.560	56.315.071.160
Từ 1 – 5 năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	28.159.074.914	26.809.184.686	1.346.811.560	56.315.071.160
Dưới 01 năm	29.855.666.692	38.620.623.027	1.013.204.428	69.489.494.147
Từ 1 – 5 năm	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2023	29.855.666.692	38.620.623.027	1.013.204.428	69.489.494.147

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Đầu tư tài chính VND	Phải thu thương mại và phải thu khác VND	Tiền và tương đương tiền VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
VND	25.000.000.000	85.152.689.144	10.938.107.421	121.090.796.565
Đô la Mỹ	-	-	222.397.444	222.397.444
Cộng	25.000.000.000	85.152.689.144	11.160.504.865	121.313.194.009
Tại ngày 01/01/2023				
VND	-	92.235.074.207	5.241.952.217	97.477.026.424
Đô la Mỹ	-	-	25.252.921	25.252.921
Cộng	-	92.235.074.207	5.267.205.138	97.502.279.345

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả thương mại và phải trả khác	Chi phí phải trả	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
VND	28.159.074.914	19.326.265.012	1.346.811.560	48.832.151.486
Đô la Mỹ	-	7.482.919.674	-	7.482.919.674
Cộng	28.159.074.914	26.809.184.686	1.346.811.560	56.315.071.160
Tại ngày 01/01/2023				
VND	29.855.666.692	23.636.645.271	1.013.204.428	54.505.516.391
Đô la Mỹ	-	14.983.977.756	-	14.983.977.756
Cộng	29.855.666.692	38.620.623.027	1.013.204.428	69.489.494.147

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã ký các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn.

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/tăng lợi nhuận sau thuế là 580.841.778 VND (Năm trước: 1.183.625.953 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối năm không phản ánh rủi ro trong suốt năm.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	16.578.075.939	16.749.049.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.810.163.505	16.639.190.044
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	674	749
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	674	749

Việc trình bày lại chỉ tiêu chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp do Công ty trình bày lại chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi từ chi phí bán hàng sang chi phí quản lý doanh nghiệp để đảm bảo tính phù hợp của số liệu và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán. Tổng Giám đốc Công ty tin rằng, việc phân loại sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho người đọc.

Việc trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 do Công ty tính toán lại theo số Quỹ khen thưởng phúc lợi thực trích của năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-MCP ngày 27 tháng 04 năm 2023.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024